

Số: 984 /QĐ-UBND

Rạch Giá, ngày 28 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Đồ án Quy hoạch chi tiết Khu đô thị Tây Bắc phường
Vĩnh Quang giai đoạn 2 (Khu đô thị Sonasea Kiên Giang City), tỷ lệ 1/500**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009; Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ, sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/QĐ-BXD, ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng về việc Ban hành QCVN 01:2021/BXD quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1024/QĐ-UBND ngày 18/4/2023 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang đến năm 2040;

Căn cứ Quyết định số 2436/QĐ-UBND ngày 02/10/2023 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc phê duyệt Đồ án Quy hoạch phân khu Khu đô thị Tây Bắc (Giai đoạn 2), phường Vĩnh Quang, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang, tỷ lệ 1/2000;



Căn cứ Quyết định số 175/QĐ-UBND ngày 12/3/2024 của UBND thành phố Rạch Giá về việc phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch chi tiết Khu đô thị Tây Bắc phường Vĩnh Quang giai đoạn 2 (Khu đô thị Sonasea Kiên Giang City), tỷ lệ 1/500;

Theo đề nghị của phòng Quản lý đô thị thành phố Rạch Giá tại Tờ trình số 59/TTr-QLĐT ngày 22/10/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đồ án Quy hoạch chi tiết Khu đô thị Tây Bắc phường Vĩnh Quang giai đoạn 2 (Khu đô thị Sonasea Kiên Giang City), tỷ lệ 1/500, với nội dung như sau:

I. Phạm vi ranh giới, diện tích, tính chất khu vực lập quy hoạch

1. Phạm vi ranh giới:

- Phía Tây Bắc: Giáp mặt biển;
- Phía Tây Nam: Giáp mặt biển;
- Phía Đông Nam: Giáp Rạch Cầu Suối;
- Phía Đông Bắc: Giáp tuyến dân cư đường 3 tháng 2, phường Vĩnh Quang.

2. Diện tích: khu đất lập quy hoạch khoảng 83ha.

3. Tính chất khu vực lập quy hoạch:

Là khu đô thị mới ven biển đạt tiêu chí đô thị xanh, thông minh với các chức năng ở, hỗn hợp, thương mại dịch vụ du lịch và đồng bộ về cơ sở hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật, kết nối đồng bộ với các khu vực xung quanh.

II. Các chỉ tiêu cơ bản về dân số, đất đai, hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật

- Quy mô dân số khoảng 12.000 người
- Chỉ tiêu đất đô thị:
 - + Đất đơn vị ở tối thiểu: 15-28 m²/người.
 - + Đất cây xanh đơn vị ở : $\geq 2\text{m}^2/\text{người}$
- Chỉ tiêu hạ tầng xã hội: Đất công trình dịch vụ - công cộng cấp đơn vị ở thực hiện theo Quy chuẩn về Quy hoạch xây dựng hiện hành
- Chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật:
 - + Giao thông: Tỷ lệ đất giao thông (không bao gồm giao thông tĩnh) tính đến đường phân khu vực $\geq 18\%$.
 - + Cấp nước: ≥ 180 lít/người/ngày đêm
 - + Cấp điện: 1.100 - 2.100 KWh/người.năm; phụ tải 450 - 700 W/người.
 - + Thu gom nước thải sinh hoạt: $\geq 95\%$ lượng nước cấp.
 - + Thu gom chất thải rắn: 1,3 kg/người-ngày (Định hướng đô thị loại 1).
 - + Tỷ lệ thu gom chất thải rắn: 100% lượng chất thải rắn.

III. Cơ cấu sử dụng đất

BẢNG TỔNG HỢP CÂN BẰNG SỬ DỤNG ĐẤT			
STT	Chức năng sử dụng đất	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
1	Đất nhà ở	339.345,2	40,88
1.1	Đất nhà ở liền kề	211.491,1	25,48
1.2	Đất nhà ở biệt thự	38.755,2	4,67
1.3	Đất nhà ở chung cư	13.806,6	1,66
1.4	Đất nhà chung cư hỗn hợp	6.041,1	0,73
1.5	Đất nhà ở xã hội	69.251,2	8,34
2	Đất công trình hạ tầng xã hội	139.345,1	16,78
2.1	Đất văn hóa	5.006,0	0,60
2.2	Đất y tế	514,0	0,06
2.3	Đất giáo dục (Trường THCS, tiểu học, mầm non)	22.344,2	2,69
2.4	Đất thể dục thể thao	12.304,6	1,48
2.5	Đất cây xanh sử dụng công cộng	97.176,3	11,71
2.6	Thương mại dịch vụ (Chợ)	2.000,0	0,24
3	Đất cơ quan, trụ sở	740,0	0,09
4	Đất công trình dịch vụ (DV tiện ích đô thị)	2.043,9	0,25
5	Đất công trình dịch vụ du lịch (DV bến du thuyền)	6.405,6	0,77
6	Đất đường giao thông	294.019,1	35,43
6.1	Đường giao thông cấp khu vực	97.082,3	11,70
6.2	Đường giao thông cấp nội bộ	196.936,8	23,73
7	Đất bãi đỗ xe	9.678,3	1,17
8	Đất công trình hạ tầng kỹ thuật khác	4.309,0	0,52
8.1	Trạm xử lý nước thải	2.017,0	0,24
8.2	Trạm xử lý nước thải	2.292,0	0,28
9	Đất khác	34.113,8	4,11
9.1	Bãi cát (bãi tắm nhân tạo)	8.080,1	0,97
9.2	Mặt nước ven biển	26.033,7	3,14
TỔNG		830.000,0	100,0

IV. Chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch đô thị, giải pháp tổ chức không gian kiến trúc, thiết kế đô thị cho từng lô đất

1. Chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất:

STT	Chức năng	Ký hiệu	Diện tích	Mật độ xây dựng tối đa	Tầng cao tối đa	Hệ số sử dụng đất
			(m ²)	(%)	(Tầng)	(lần)
1	Đất nhà ở		339.345,2			
1.1	Đất nhà ở liền kề	LK-1 đến LK-17	211.491,1	89,6	5,0	4,50

1.2	Đất nhà ở biệt thự	BT-1 đến BT-5	38.755,2	50,0	3,0	1,50
1.3	Đất nhà ở chung cư	CH-01 đến CH-03	13.806,6	30-40	30,0	10,00
1.4	Đất nhà chung cư hỗn hợp	HH-01	6.041,1	30-40	30,0	10,00
1.5	Đất nhà ở xã hội	OXH-1, OXH-2	69.251,2	40,0	5,0	2,0
2	Đất công trình hạ tầng xã hội		139.345,1			
2.1	Đất văn hóa (Trung tâm văn hóa)	TTVH	5.006,0	40,0	3,0	1,20
2.2	Đất y tế	YT	514,0	40,0	3,0	1,20
2.3	Đất giáo dục (Trường THCS, tiểu học, mầm non)		22.344,2	40,0	3,0	1,20
2.3.1	Trường Mầm non	NT	7.444,0	40,0	3,0	1,20
	Trường Mầm non	NT-01	3.534,3	40,0	3,0	1,20
	Trường Mầm non	NT-02	3.909,7	40,0	3,0	1,20
2.3.2	Trường Tiểu học	TH-C1	8.167,2	40,0	3,0	1,20
2.3.3	Trường THCS	TH-C2	6.733,0	40,0	3,0	1,20
2.4	Đất thể dục thể thao		12.304,6	5,0	1,0	0,05
2.4.1	Sân luyện tập	TDTT-01	5.226,9	5,0	1,0	0,05
2.4.2	Sân chơi	TDTT-02	2.203,8	5,0	1,0	0,05
2.4.3	Sân chơi	TDTT-03	4.873,9	5,0	1,0	0,05
2.5	Đất cây xanh sử dụng công cộng		97.176,3	5,0	1,0	0,05
2.5.1	Cây xanh sử dụng công cộng	CX	42.090,7	5,0	1,0	0,05
2.5.2	Cây xanh công viên ven biển	CV	43.122,8	5,0	1,0	0,05
2.5.3	Cây xanh, quảng trường	CX-QT	11.962,8	5,0	1,0	0,05
2.6	Thương mại dịch vụ (Chợ)	CC-01A	2.000,0	40,0	3,0	1,20
3	Đất cơ quan, trụ sở		740,0	40,0	2,0	0,80
3.1	Đất xây dựng cơ quan, trụ sở	CQ-01	300,0	40,0	2,0	0,80
3.2	Đất xây dựng cơ quan, trụ sở	CQ-02	440,0	40,0	2,0	0,80
4	Đất công trình dịch vụ (DV tiện ích đô thị)	DV-02	2.043,9	40,0	2,0	0,80
5	Đất công trình dịch vụ du lịch (DV bến du thuyền)	DV-01	6.405,6	40,0	3,0	1,20
6	Đất đường giao thông		294.019,1			
6.1	Đường giao thông cấp khu vực		97.082,3			
6.2	Đường giao thông cấp nội bộ		196.936,8			
7	Đất bãi đỗ xe	BDX	9.678,3			
8	Đất công trình hạ tầng kỹ thuật khác	HTKT	4.309,0	20,0	1,0	0,20
8.1	Đất trạm xử lý nước thải + Trạm trung chuyển CTR sinh hoạt	HTKT-01	2.017,0	20,0	1,0	0,20

8.2	Đất trạm xử lý nước thải + Trạm trung chuyển CTR sinh hoạt	HTKT-02	2.292,0	20,0	1,0	0,20
9	Đất khác		34.113,8			
9.1	Bãi cát (bãi tắm nhân tạo)	BC	8.080,1			
9.2	Mặt nước ven biển	MN	26.033,7			
TỔNG			830.000,0			

(Mật độ xây dựng từng lô đất sẽ được thể hiện cụ thể trong bản vẽ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất đảm bảo phù hợp theo QCVN 01:2021/BXD).

Lưu ý: Đối với các khu vực có tầng cao > 20 tầng (Chiều cao $\geq 45m$) thì phải có ý kiến của bằng văn bản của Cục tác chiến – Bộ tổng tham mưu.

2. Giải pháp tổ chức không gian, kiến trúc, cảnh quan:

- Tổ chức không gian tổng thể dự án mềm mại với đường cong bao biển tạo sự gần gũi và khai thác tối đa yếu tố thiên nhiên; bố trí đầy đủ các khu cây xanh, tiện ích, hệ thống đường xe đạp, trạm sạc năng lượng, nhà vệ sinh, bãi đỗ xe,...

- Tổ chức mạng lưới giao thông với trục cảnh quan chính từ cửa ngõ dự án hướng thẳng ra biển kết hợp với đường trục chính rộng 36m, kết nối các khu vực trong dự án với khu vực xung quanh.

- Xác định điểm nhấn công trình cao tầng tại vị trí cửa ngõ dự án, điểm kết của dự án là tổ hợp các công trình dịch vụ cao tầng, quảng trường, bãi tắm, bãi biển đây là khu vực có cảnh quan rất đẹp và là hình ảnh đặc trưng của dự án.

- Tổ chức cây xanh, các tiện ích dọc theo kênh cảnh quan, cây xanh công viên ven biển, thiết kế cảnh quan đẹp, sinh động giúp cư dân tiếp cận dễ dàng mang đến cho cư dân đô thị môi trường sinh thái xanh, khỏe mạnh; đường đi bộ, đường xe đạp (Eco-path) dọc các khu cây xanh đường bao biển và kênh cảnh quan, các tuyến đường ở trong khu đô thị, kết nối từng phân khu chức năng như khu quảng trường công cộng, khu thương mại, dịch vụ (*khách sạn*), khu công viên đường dạo ven biển, khu bến du thuyền và tới các lõi cây xanh cộng đồng từng phân khu ở, tuyến đường được ưu tiên thiết kế cảnh quan cây xanh, bóng mát, và lát vật liệu thân thiện, dành cho người đi bộ, xe đạp, trẻ nhỏ đi dạo, ngoạn cảnh một cách an toàn.

- Các khu vực phát triển cụm dân cư đô thị, với lõi cây xanh, hạ tầng đô thị như: trường học, sân thể thao, sân tập, sân chơi thiếu nhi, câu lạc bộ.. đáp ứng nhu cầu học tập, giải trí, sinh hoạt cộng đồng khép kín, giúp tạo nên một khu đô thị hiện đại, đồng bộ, nâng cao chất lượng đời sống dân cư.

3. Thiết kế đô thị:

- Đảm bảo tính thống nhất từ không gian tổng thể đô thị đến không gian cụ thể thuộc các khu nhà ở, các công trình; Có tính kế thừa kiến trúc, cảnh quan đô thị và phù hợp với điều kiện, đặc điểm tự nhiên trong khu vực.

- Tuân thủ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất, các chỉ tiêu không chế được xác lập trong các quy hoạch tổng mặt bằng đã được duyệt.

- Tuân thủ các yêu cầu, quy định được xác lập theo tiêu chuẩn, quy chuẩn xây dựng Việt Nam.

V. Nguồn cung cấp và giải pháp tổ chức mạng lưới hạ tầng kỹ thuật đến từng lô đất

1. Quy hoạch hệ thống giao thông:

a) Đường khu vực:

- Đường T3 (*ký hiệu mặt cắt 1-1*): Lộ giới rộng 36m, bao gồm mặt đường mỗi bên rộng 10m, dải phân cách rộng 2m, vỉa hè mỗi bên rộng 7m.

- Đường T4 (*ký hiệu mặt cắt 3-3*): Lộ giới rộng 45m, bao gồm mặt đường mỗi bên rộng 10,5m, dải phân cách rộng 4m, vỉa hè mỗi bên rộng 10m.

- Đường D1A (*ký hiệu mặt cắt 4-4*): Lộ giới rộng 26m, bao gồm mặt đường rộng 12m, vỉa hè mỗi bên rộng 7m.

b) Đường phân khu vực:

- Đường T1 (*ký hiệu mặt cắt 2-2*): Lộ giới rộng 32m, bao gồm mặt đường mỗi bên rộng 9m, dải phân cách rộng 2m, vỉa hè mỗi bên rộng 6m.

- Đường T2 (*ký hiệu mặt cắt 4B-4B*): Lộ giới rộng 21m, bao gồm mặt đường rộng 13m, vỉa hè mỗi bên rộng 4m.

- Đường D13A và D13B (*ký hiệu mặt cắt 4B-4B*): Lộ giới rộng 19m, bao gồm mặt đường rộng 11m, vỉa hè mỗi bên rộng 4m.

c) Đường nội bộ, đường vào nhà:

Bao gồm tất cả các tuyến đường còn lại (*ký hiệu mặt cắt 5-5*): Lộ giới rộng 15m, bao gồm mặt đường rộng 7m, vỉa hè mỗi bên rộng 4m.

d) Bãi đỗ xe: Xây dựng các bãi đỗ xe tập trung, đảm bảo nhu cầu đỗ xe trong khu vực dự án. Trong phạm vi khu quy hoạch bố trí 07 bãi đỗ xe tập trung với tổng diện tích 9678,3m² để đảm bảo theo yêu cầu đỗ xe theo quy định.

2. Chuẩn bị kỹ thuật đất xây dựng:

a) San nền:

- San nền đảm bảo việc thoát nước mặt một cách tốt nhất, không bị ngập úng và đầu nối hạ tầng kỹ thuật với khu vực liền kề, cụ thể như sau:

- + Cao độ tim đường giao thông: $\geq +2,0\text{m}$ đến $\geq +2,2\text{m}$.
- + Cao độ nền lô đất xây dựng các công trình công cộng từ $\geq +2,3\text{m}$
- + Cao độ nền khu dân cư, khu biệt thự, nhà phố $\geq +2,2\text{m}$.
- + Cao độ khu công viên cây xanh $\geq +2,1\text{m}$.
- Nguồn vật liệu san lấp bằng cát từ ngoài biển.
- Tổng khối lượng san lấp khoảng: 2.403.123,08 m³.

b) Thoát nước mưa:

Hệ thống thoát nước mưa thiết kế riêng với hệ thống thoát nước thải sinh hoạt. Nước mưa được thu gom theo các tuyến cống nội bộ sau đó tập trung về các tuyến trục chính và thoát ra rạch cảnh quan, ra biển thông qua các cửa xả. Lưu vực thoát nước được chia ra thành 4 khu vực.

3. Quy hoạch cấp nước:

- Nguồn cấp: Khu vực quy hoạch được cấp từ nhà máy nước của thành phố, điểm đầu nối đến khu quy hoạch từ trục chính trên đường 3 tháng 2.

- Hệ thống cấp nước được thiết kế mạng vòng cho các tuyến ống chính và mạng nhánh cụt cho các tuyến ống nhánh, dịch vụ cấp đến cho công trình công cộng, dịch vụ và khu nhà thấp tầng.

- Cấp nước chữa cháy: Trên các trục đường có ống cấp nước chính, sẽ đặt các trụ cứu hỏa với khoảng cách giữa các trụ cứu hỏa từ 120m đến 150m. Các trụ này đặt ở ngã 3, ngã 4 để thuận tiện cho xe cứu hỏa lấy nước chữa cháy. Các công trình công cộng, chung cư cao tầng cần có các giải pháp phòng cháy chữa cháy riêng được thiết kế theo các tiêu chuẩn hiện hành.

- Tổng công suất cấp nước toàn khu khoảng: 4.165 m³/ngày đêm.

4. Quy hoạch cấp điện và chiếu sáng đô thị:

- Nguồn cấp: Điểm đầu nối cấp điện trung áp 22KV lấy từ điểm đầu nối trên đường Nguyễn Thái Bình (*phía Bắc*) và đường 3 tháng 2 thông qua lưới điện 22KV của thành phố. Hệ thống dây dẫn điện được thiết kế với giải pháp ngầm.

- Chiếu sáng đô thị: Nguồn cấp lấy từ các trạm biến áp trong khu quy hoạch; cấp điện sử dụng cáp ngầm cấp đến các đèn chiếu sáng. Đèn chiếu sáng đô thị, sử dụng loại đèn tiết kiệm điện (*đèn led*).

- Tổng công suất cấp điện toàn khu khoảng: 16.310,6 KVA.

5. Quy hoạch thoát nước thải và xử lý chất thải rắn:

a) Quy hoạch thoát nước thải:

- Thiết kế hệ thống thoát nước thải độc lập với hệ thống thoát nước mưa.

- Hệ thống thoát nước thải dự kiến theo sơ đồ như sau: Bể tự hoại → công thu nước thải → trạm xử lý nước thải cục bộ → bể ngầm lưu trữ (*để tái sử dụng nước thải sau khi đã xử lý vào mục đích như tưới cây, rửa đường, cứu hỏa...*).

- Nước thải sinh hoạt phải được xử lý đạt giới hạn A của tiêu chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT, trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

- Tổng lưu lượng nước thải khoảng: 3.340 m³/ngày đêm.

b) Xử lý chất thải rắn:

- Chất thải rắn được phân loại từ nguồn thành hai loại: CTR vô cơ được thu gom để tái chế nhằm thu hồi phế liệu và giảm tải cho các khu xử lý CTR. Các loại

này được định kỳ thu gom; CTR hữu cơ được thu gom hàng ngày và được vận chuyển đến nơi xử lý tập trung.

- Bố trí các điểm thu gom và tập kết rác kết hợp với khu xử lý nước thải; bố trí các thùng thu gom CTR bằng nhựa có nắp đậy với cự ly nhỏ hơn 100m để tiện cho việc bỏ rác của người dân. Rác thải trong toàn khu quy hoạch sẽ được tập kết ở 02 điểm tập kết chung đặt tại các khu đất HTKT01-02 trong khu đô thị rồi được thu gom và vận chuyển đến nhà máy xử lý rác của thành phố.

6. Quy hoạch hạ tầng viễn thông thụ động:

- Nguồn cấp: Khu quy hoạch được kết nối truyền dẫn từ các tổng đài khu vực thông qua điểm đầu nối trên trục đường chính Đường 3 tháng 2.

- Thiết kế hệ thống thông tin liên lạc, internet, cáp truyền dẫn tín hiệu viễn thông, thuê bao Internet băng rộng cố định, truyền hình cáp đến bên ngoài công trình của khu quy hoạch.

VI. Giải pháp bảo vệ môi trường:

- Các biện pháp kiểm soát ô nhiễm không khí và tiếng ồn: Lựa chọn thời gian vận chuyển thích hợp, hạn chế đi trong giờ cao điểm, tránh đi qua khu vực tập trung đông dân cư.

- Giảm thiểu ô nhiễm do rác thải: Chủ đầu tư có biện pháp thu gom và vận chuyển rác thải đến nhà máy xử lý tập trung của thành phố.

- Giảm thiểu ô nhiễm do nước thải: Bố trí các hầm tự hoại tại từng hộ dân để thu gom và xử lý. Bố trí lưới lọc rác trước các miệng cống thoát, nơi tiếp nhận nước mưa để tách rác. Các hố ga cũng sẽ được định kỳ nạo vét để tránh tắc nghẽn cống thoát nước. Nghiêm cấm xả thẳng nước thải chưa được xử lý đạt tiêu chuẩn theo quy định vào kênh.

- Biện pháp khống chế ô nhiễm môi trường nước: Thường xuyên dọn dẹp vệ sinh trên công trường sau mỗi ngày thi công, tiến hành thu gom rác thải và vật liệu xây dựng để tái sử dụng, xử lý phù hợp, phòng tránh ngập úng cục bộ và tác động xấu đến môi trường do nước mưa chảy tràn.

VII. Những hạng mục cần ưu tiên đầu tư và nguồn lực thực hiện:

- Các hạng mục công trình hạ tầng kỹ thuật chính gồm: hệ thống giao thông và các hạng mục công trình hạ tầng kỹ thuật khác (cấp điện, cấp nước, thoát nước, khu xử lý nước thải,...) được đầu tư đồng bộ trong khu quy hoạch.

- Các hạng mục công trình: công trình nhà ở, công viên cây xanh,... từng bước được đầu tư trong khu quy hoạch.

- Nguồn vốn: Vốn của doanh nghiệp và nguồn vốn khác theo quy định pháp luật hiện hành.

Điều 2: Giao phòng Quản lý đô thị thành phố Rạch Giá phối hợp với UBND phường Vĩnh Quang, Công ty Cổ phần Tập đoàn C.E.O và các phòng, ban ngành có liên quan:

1. Hoàn chỉnh hồ sơ, tổ chức công bố công khai quy hoạch, tổ chức lập và triển khai cắm mốc giới theo quy hoạch được duyệt để các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan biết và giám sát thực hiện.

2. Tổ chức quản lý không gian kiến trúc cảnh quan đô thị, sử dụng đất, hệ thống các công trình hạ tầng kỹ thuật theo quy hoạch đúng quy định.

Điều 3: Chánh văn phòng HĐND và UBND thành phố Rạch Giá, Trưởng phòng các phòng: Quản lý đô thị, Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn C.E.O, Chủ tịch UBND phường Vĩnh Quang và thủ trưởng các phòng, ban ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. /s/

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT. UBND thành phố;
- LĐVP, CVNC;
- Sở Xây dựng (để b/c)
- Cổng thông tin điện tử thành phố;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Hôn